

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 128/ CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM /2020
(TCCS 128:2020/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: **02513 -836601**

Fax: **02513-836602**

E-mail.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung Bánh ăn dặm Nestlé Cerelac Nutripuffs chuối và cam**

2. Thành phần: Gạo, **lúa mì**, tinh bột bắp, dầu cọ, đường, chuối 2,5%, chất khoáng (calci carbonat, calci phosphat, sắt pyrophosphat, kẽm sulphat), cam 1,2%, cà rốt, vitamin B1 (thiamin mononitrat). Sản phẩm có thể chứa **đậu nành** và **sữa** (may contain soya and milk).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 13 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: sản phẩm đóng trong bao nhựa (phù hợp với các quy định an toàn của Bộ Y Tế về bao gói thực phẩm). Khối lượng tịnh: 50 g

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Malaysia

Sản xuất bởi Nestlé Asean (Malaysia) SDN. BHD. (238995 M). Lot 691, Jalan Perusahaan Utama, Kawasan Perindustrian Chembong, 71300 Rembau, Negeri, Sembilan Darul Khusus, Malaysia.

Nhập khẩu và tự công bố bởi: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam.

Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (có nhãn đính kèm)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

2. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục số 1.10; 2.9; 4.7; 5.7; 3.5; 6.4)

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục số 3.18; 2.18)

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục số 6.5.2)

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

- Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

...*BH*..., ngày *30* tháng *10* năm...*2020*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Todd Yates
Giám Đốc Kỹ Thuật



KT3-06505ATP0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/08/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : **THỰC PHẨM BỔ SUNG BÁNH ĂN DẶM NESTLÉ CERELAC NUTRIPUFFS CHUỐI VÀ CAM**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 05/08/2020
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/08/2020 - 14/08/2020
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Q1,
Thành Phố Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02 - 03/03*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06505ATP0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/08/2020
 Page 02/03



7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i>	mg/kg QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00x10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng cadimi, <i>Cadmium content</i>	mg/kg QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00x10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , <i>Aflatoxin B₁ content</i>	µg/kg TCVN 7596:2007	0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng ochratoxin A, <i>Ochratoxin A content</i>	µg/kg QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), <i>Deoxynivalenol content</i>	µg/kg QTTN/KT3 089:2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Hàm lượng zearalenone, <i>Zearalenone content</i>	µg/kg QTTN/KT3 224:2018 (Ref: TCVN 9591:2013)	6	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Hàm lượng patulin, <i>Patulin content</i>	µg/kg AOAC 2016 (2000.02)	3,0	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng fumonisin (FB1+FB2), <i>Fumonisin (FB1+FB2) content</i>	µg/kg QTTN/KT3 161:2017	25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng melamine, <i>Melamine content</i>	mg/kg QTTN/KT3 051:2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06505ATP0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/08/2020
 Page 03/03



7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.10. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g <i>Total aerobic plate count</i>	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.11. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.12. <i>E. Coli</i> , MPN/g	ISO 16649-3:2015	-	0
7.13. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.14. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937:2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.15. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive Bacillus cereus</i>	ISO 7932:2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.16. Tổng số nấm men và nấm mốc, CFU/g <i>Total yeasts and moulds</i>	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*



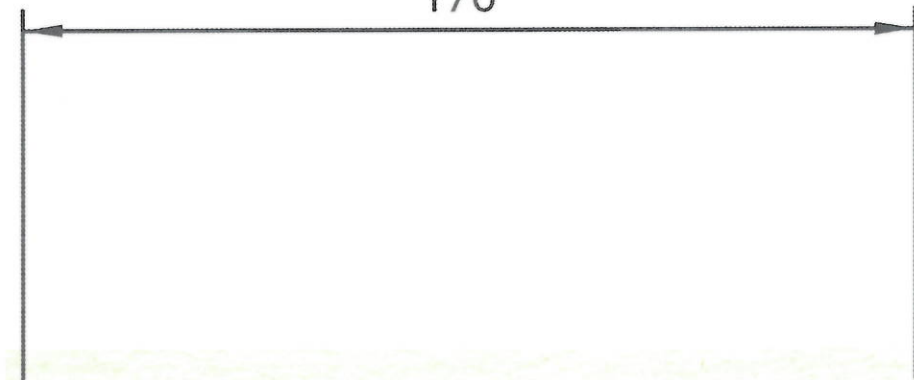
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



Từ 8 Tháng

Khoá dây kéo

Nestlé Cerelac

BÁNH ĂN DẶM

NutriPuffs

Chuối & Cam

Bánh ăn dặm



B1
Kẽm
Sắt
Calci

Khối lượng tịnh: 50 g

Thiết kế vừa tay bé

Bánh không chiên

THỰC PHẨM BỔ SUNG

HÌNH ẢNH CHỈ MANG TÍNH CHẤT MINH HỌA

210



Nguyen

Tanti

80

Bánh ăn dặm được thiết kế đặc biệt giúp bé có những khoảnh khắc từ ăn thật vui!

NutriPuffs
Cerelac BÁNH ĂN DẶM

Đã cảm nhận Tập nhai Nhiều dưỡng chất Bánh không chiên

Thơm ngon từ nhiên

Chung tay quan tâm đến chất lượng sản phẩm và đảm bảo rằng: Sản phẩm được làm từ 100% các loại ngũ cốc tự nhiên và được chọn lọc kỹ lưỡng

Không thêm chất bảo quản và màu nhân tạo

Đã có thêm thông tin dinh dưỡng bổ ích, xin liên hệ: 1800 6699 (Miễn phí cước gọi)

Thành phần: Cereals, Rice, Vitamin B1, Iron, Zinc, Calcium, and other nutrients.

Thông tin dinh dưỡng

Thành phần	Trong 100g	Trong 1 gói (50g)
Calci	21.9 mg	10.95 mg
Vitamin B1	0.877 mg	0.4385 mg
Sắt	5.54 mg	2.77 mg
Kẽm	0.21 mg	0.105 mg

Đáp bá phát triển khỏe mạnh

Sắt **B1** **Sắt** **Kẽm**

NSX và HSD: Nestlé Việt Nam (Malaysia) Sdn. Bhd. (22895 M)
 7500, Broda, Singapore, Singapore (Singapore)
 Mã hàng và mã công bố: 233943
 Ngày sản xuất: 12/2020
 Hạn sử dụng: 12/2020

210